TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 300/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 18 – 7 – 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyen Thi Yen A

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim B;
2. Ông Đỗ Sơn H.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thái D Thùy D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Kim Tr - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2018/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyen Thi Thuy D, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ T, huyện CP, tỉnh An Giang. Chổ ở hiện nay: số 19, tổ 1, ấp Hưng Thuận, xã Đào Hữu Cảnh, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Kỷ Ngọc Dg, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ T, huyện CP, tỉnh An Giang; (Vắng mặt)

NỘI DG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn chị D trình bày như sau: Tôi và anh Dg chung sống vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ T. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì anh Dg không chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu, chị D khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh Dg không sửa đổi. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bất đồng ý kiến, không thể hàn gắn nên yêu cầu xin ly hôn với ông Dg. Về quan hệ con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Như, sinh ngày 27/5/2005 và Kỷ Ngọc Minh Thư, sinh ngày 13/01/2015, khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh Dg cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, anh Dg không đến Tòa án nhân dân huyện CP trình bày ý kiến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị D.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị D: Giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con; về quan hệ tài sản chung không yêu cầu giải quyết; quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Kỷ Ngọc Dg: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chị D và anh Dg chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà D trình bày do anh Dg không quan tâm, chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu, chị D khuyên ngăn nhưng không được, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tại biên bản xác minh thể hiện anh Dg được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Dg không đến Tòa án, cả hai sống ly thân đã lâu nên tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở chấp nhận.

+ Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Như, sinh ngày 27/5/2005 và Kỷ Ngọc Minh Thư, sinh ngày 13/01/2015; con đang được chị D trực tiếp nuôi. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh Dg cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan hệ tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung: Không có nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 30 tháng 5 năm 2018 thể hiện: Anh Dg có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ T, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị D khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh Kỷ Ngọc Dg đã được Tòa án nhân dân huyện CP tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần

thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội Dg vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Dg chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ T nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh Dg như sau: Chị D cho rằng anh Dg không quan tâm, chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu nên vợ chồng bất hòa. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Dg nhưng anh Dg vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị D. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh ngày 30 tháng 5 năm 2018 thể hiện do vợ chồng D đi làm ăn xa nên địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy không rõ nguyên nhân mâu thuẫn, nhưng thực tế thời gian sống ly thân đã lâu, anh Dg không quan tâm cuộc sống hôn nhân. Chị D xác định không còn tình cảm với anh Dg, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Dg không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Dg thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc Như, sinh ngày 27/5/2005 và Kỷ Ngọc Minh Thư, sinh ngày 13/01/2015. Xét thấy, chị D đang trực tiếp nuôi con chung, về điều kiện thu nhập đảm bảo nuôi con, nguyện vọng của Ngọc Như được sống chị D, anh Dg không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao hai con chung cho chị D được trực tiếp nuôi, chị D không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Dg thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017642 ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyen Thi Thuy D ly hôn với anh Kỷ Ngọc Dg.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyen Thi Thuy D được trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Như, sinh ngày 27/5/2005 và Kỷ Ngọc Minh Thư, sinh ngày 13/01/2015. Chị Dg không yêu cầu anh Dg cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Dg cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Dg thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; quan hệ nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017642 ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Thạnh Mỹ T;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyen Thi Yen A